

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HS-ST
Ngày 13-4-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Quang Định và bà Vũ Thị Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 106/2022/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2023/HSST-QĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2023/HSST-QĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2023/HSST-QĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị M, sinh ngày 16 tháng 7 năm 1987, tại Q, tỉnh Quảng Ninh; nơi đăng ký thường trú: Tổ 4, khu Bí Trung 1, phường P, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở: Tổ 24, Khu 4, phường T, thành phố U, tỉnh Q; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình Đ và bà Nguyễn Thị N, có chồng Đặng Văn T, có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 16 tháng 02 năm 2016 đến ngày 19 tháng 02 năm 2016; tạm giam từ ngày 19 tháng 02 năm 2016 đến ngày 07 tháng 3 năm 2016 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: ông Nguyễn Tiến H - Luật sư của Văn phòng Luật sư N và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; địa chỉ số 29, Ngõ 92, đường N, quận C, Thành phố Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: chị Nguyễn Thị Quỳnh T, sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ 16, Khu 3, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng: chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1977; nơi cư trú: tổ 45 B, Khu 12, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng thời gian đầu tháng 3 năm 2010, Nguyễn Thị M đến nhà chị Nguyễn Thị Quỳnh T hỏi vay số tiền 60.000.000đ để làm ăn, chị T đồng ý. Quá trình vay tiền không có ai chứng kiến, M viết một tờ giấy vay tiền nhưng chỉ thể hiện số tiền vay còn thời hạn vay và lãi xuất thì thỏa thuận bằng miệng. Đến cuối tháng 3 năm 2010, M đến nhà chị T hỏi vay của chị T số tiền 170.000.000đ, chị T đồng ý và viết giấy vay tiền, lãi xuất và thời hạn vay được thỏa thuận bằng miệng, việc vay tiền không có ai chứng kiến. Khoảng tháng 4 năm 2010, M tiếp tục đến nhà chị T hỏi vay số tiền 160.000.000đ, cũng như hai lần trước, chị T cho M vay và viết giấy vay, việc vay tiền không có ai chứng kiến. Đến thời gian khoảng cuối tháng 4 năm 2010, M đến nhà chị T hỏi vay số tiền 80.000.000đ. Lần này, chị T nói với M: “Bây giờ em đã vay tiền của chị nhiều rồi, chị cứ đưa tiền như thế này cho em thì không được, em phải có gì đưa cho chị để chị làm tin”. Nghe chị T nói như vậy, M đã đưa cho chị T một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố mẹ chồng M. Chị T tiếp tục cho M vay số tiền 80.000.000đ, không có người chứng kiến, thời hạn vay và lãi xuất chỉ thỏa thuận bằng miệng. Bốn lần M vay tiền của chị T lãi xuất khác nhau nên chị T không nhớ cụ thể, mỗi lần vay M hứa hẹn thời gian trả trong nửa tháng đến một tháng.

Sau lần vay tiền thứ tư khoảng 15 ngày, M đến nhà chị T hỏi mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp vay tiền ngân hàng trả cho chị T. Do tin tưởng chị T đồng ý đưa lại cho M giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không làm giấy tờ gì xác nhận và không có người chứng kiến. Khoảng nửa tháng sau, chị T gọi điện thoại cho M yêu cầu trả tiền nhưng M chỉ hứa hẹn, không trả lại tiền. Đến ngày 29/11/2010, chị T và M gặp nhau tại nhà chị gái ruột của M là Nguyễn Thị T (sinh năm 1977, trú tại tổ 45B, khu 12, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh). Do M chưa có tiền trả nên chị T yêu cầu viết dồn các giấy vay nợ của bốn lần với tổng số tiền là 470.000.000đ. M đồng ý và viết giấy vay tiền theo yêu cầu của chị T. Trong giấy vay có ghi thời hạn trả là hai tháng, có chữ ký xác nhận của người chứng kiến là chị Nguyễn Thị T. Sau đó, M đã bỏ đi thành phố M, tỉnh Quảng Ninh, cắt đứt liên lạc với mọi người trong gia đình và chị T, mục đích nhằm chiếm đoạt số tiền đã vay của chị T.

Bản Kết luận giám định số 23 ngày 14/01/2013 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: chữ viết bằng mực màu xanh (trừ các chữ “Nguyễn Thị T” dưới mục “Người làm chứng” và các chữ “Quỳnh T” dưới mục “Người cho vay”) trong tài liệu cần giám định (ký hiệu A) với chữ viết trong các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M01, M02) là do cùng một người viết ra.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Thị M khai nhận: vào năm 2010, M có nhiều lần vay tiền của chị T, M không nhớ rõ từng lần vay, tổng số tiền vay là 180.000.000đ, lãi xuất theo thỏa thuận là 5000đ/01 triệu/01 ngày. Do làm ăn thua lỗ không có khả năng trả tiền gốc và tiền lãi dẫn đến cộng dồn nợ đến ngày 29/11/2010, M nợ chị T tổng số tiền là 470.000.000đ. Giấy vay nợ số tiền 470.000.000đ là do M viết và chị gái là Nguyễn Thị T ký xác nhận. Tuy nhiên,

M không cung cấp được tài liệu, căn cứ gì để chứng minh khoản vay là 180.000.000đ.

Về mục đích vay tiền M khai do cần tiền để kinh doanh bất động sản và trồng cây chờ đền bù dự án nhưng đến cuối năm 2011, dự án vẫn chưa giải phóng mặt bằng, các cây trồng bị chết, cùng lúc đó việc buôn bán bất động sản của M cũng bị thua lỗ nên M không có tiền trả chị T.

Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chị T đưa lại cho M là của bố mẹ chồng của M. Sau khi mượn lại M dùng để thế chấp vay tiền ngân hàng trả nợ. Tuy nhiên, không làm được thủ tục vay tiền, M đã trả cho bà Vũ Thị M (mẹ chồng của M), rồi hứa hẹn với chị T sẽ tiếp tục trả nợ sau.

Về trách nhiệm dân sự: Tại giai đoạn điều tra bị cáo Nguyễn Thị M đã bồi thường cho bị hại chị Nguyễn Thị Quỳnh T số tiền 113.000.000đ. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo đã bồi thường khắc phục toàn bộ thiệt hại cho bị hại.

Bản Cáo trạng số: 115/CT-VKSUB ngày 31/10/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh truy tố Nguyễn Thị M về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Điều 175 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174, và 290 của Bộ luật này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

...

3. Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm”.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, giữ nguyên quan điểm như nội dung Cáo trạng đã truy tố; đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015; xét xử bị cáo Nguyễn Thị M về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, với mức hình phạt từ 30 (ba mươi) đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 60 (sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Trung Vương, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; không đề nghị hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Tại phiên tòa Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày, nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, không tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án theo điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mức thấp nhất và được cải tạo ngoài xã hội để có điều kiện nuôi dưỡng 03 con chưa thành niên, trong đó có con dưới 36 tháng tuổi.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và thừa nhận việc Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội nên không tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và được cải tạo tại địa phương để có điều kiện nuôi dưỡng các con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về trình tự thủ tục tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về áp dụng pháp luật: hành vi phạm tội của bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra khởi tố từ năm 2013 về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo khoản 3 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999. Đến giai đoạn truy tố và xét xử, căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, xét xử bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2]. Về tội danh:

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa cơ bản phù hợp với các lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai và đơn trình báo của bị hại; phù hợp với lời khai của người làm chứng chị Nguyễn Thị T; phù hợp với Kết luận giám định số: 23 ngày 14/1/2013, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh, kết luận: chữ viết bằng mực màu xanh (trừ các chữ “Nguyễn Thị T” dưới mục “Người làm chứng” và các chữ “Quỳnh T” dưới mục “Người cho

vay”) trong tài liệu cần giám định (ký hiệu A) với chữ viết trong các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M01, M02) là do cùng một người viết ra.

Bị cáo là người trưởng thành có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, gây nên những bức xúc, lo lắng trong quần chúng nhân dân.

Như vậy, có cơ sở xác định khoảng từ tháng 3 đến tháng 4 năm 2010, tại nhà chị Nguyễn Thị Quỳnh T thuộc Tổ 16, Khu 3, phường Trưng Vương, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Thị M đã vay tiền của chị Nguyễn Thị Quỳnh T tổng số tiền là 470.000.000đ (bốn trăm bảy mươi triệu đồng) sau đó bỏ trốn đến thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh nhằm chiếm đoạt số tiền trên. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thị M phạm tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bản Cáo trạng số: 115/CT-VKSUB ngày 31/10/2022, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh truy tố đối với bị cáo và các đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, được chấp nhận.

[3]. Về hình phạt:

Xét nhân thân của bị cáo cho thấy: từ trước cho đến khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo không vi phạm pháp luật, không có tiền án, tiền sự, hiện chồng bỏ đi khỏi địa phương không biết ở đâu, làm gì, một mình bị cáo nuôi 03 con nhỏ.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; tại phiên tòa và quá trình điều tra đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường thiệt hại khắc phục toàn bộ hậu quả; đầu thú; có bố đẻ là ông Nguyễn Đình Đ là người có công được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên được áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Sau khi xem xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cho thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng cải tạo ở ngoài xã hội mà không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo là phù hợp.

Ngoài hình phạt chính, lẽ ra cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, nhưng bị cáo không có việc làm ổn định, nuôi 03 con nhỏ nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4]. Đối với các biện pháp ngăn chặn:

Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 13/2023/HSST-LCĐKNCT và Quyết định tạm hoãn xuất cảnh số: 21/2023/HSST-QĐTHXC ngày 30 tháng 01 năm 2023, của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, đối với bị cáo Nguyễn Thị M có thời hạn cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm nên hết hiệu lực thi hành kể từ khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm ngày 13 tháng 4 năm 2023.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo đã bồi thường, khắc phục toàn bộ thiệt hại, bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại gì thêm nên không đề cập giải quyết.

[6]. Về án phí:

Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7]. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 3 Điều 7; khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 36 (ba mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Giao bị cáo Nguyễn Thị M cho Ủy ban nhân dân phường Trung Vương, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị M phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại Nguyễn Thị Quỳnh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND thành phố Uông Bí;
- Chi Cục THADS thành phố Uông Bí;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan điều tra Công an Uông Bí;
- Cơ quan THAHS Công an Uông Bí;
- Sở Tư pháp tỉnh QN;
- Lưu hồ sơ; VT; THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Nam